

Số : 824.../ TB-CSTN

Tây Ninh , ngày 28 tháng 4 năm 2025.

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 tại 03 Nông trường thuộc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 (Điều 56);

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Văn bản số 3722/CSVN-KHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc xây dựng và trình duyệt phương án nhượng bán quyền khai thác mỏ cao su năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-HĐQTCSVN ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc tạm giao kế hoạch khối lượng năm 2025 cho các đơn vị thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần;

Căn cứ Văn bản số 3206/CSVN-KHĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc xây dựng và trình duyệt kế hoạch tổng hợp riêng và hợp nhất năm 2025.

Căn cứ Tờ trình số: 2246/TTr- CSTN ngày 31/12/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh về việc Xin thỏa thuận chủ trương phương án nhượng quyền khai thác mỏ năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 896/CSVN-QLĐTXD ngày 22/4/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận phương án nhượng bán quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-HĐQT CSTN ngày 28/4/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh về việc Phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 tại 03 Nông trường thuộc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 28/4/2025 về việc thẩm định các tiêu chí đánh giá, lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 của Tổ thẩm định.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để thực hiện tổ chức bán đấu giá quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 tại 03 Nông trường thuộc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh với một số nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:

- Tên chủ tài sản: Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh.
- Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Tên tài sản đấu giá:

- Quyền khai thác mỏ cao su năm 2025 tại 03 Nông trường thuộc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh.

2.1 Tổng diện tích: tổng diện tích 296,60690 ha tại 03 Nông trường, cụ thể:

STT	Nông trường	Diện tích	Cây cạo	Sản lượng nhượng quyền đến 31/12/2025 (tấn)	Ghi chú
1	Gò Dầu	114,27429	51.702	136,556	Thuộc DA KCN Hiệp Thạnh
2	Cầu Khởi	121,97225	56.103	254,262	Tái canh 2026
3	Bến Cui	60,36036	28.453	123,182	Tái canh 2026
		296,60690	136.258	514,000	

2.2 Thời gian thực hiện khai thác: Kể từ ngày trúng đấu giá đến 31/12/2025.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- **Tổng giá trị bán khởi điểm: 11.889.000.000 đồng** (chưa bao gồm thuế GTGT).
(Bằng chữ: Mười một tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu đồng).
- **Thời gian tổ chức đấu giá dự kiến:** tháng 05/2025.

4. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp.

5. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm việc lựa chọn theo đúng tiêu chí quy định tại Điều 56 Luật Đấu giá tài sản; Điều 33 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp và Phụ lục I về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm các nhóm tiêu chí sau:

- a). Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
- b). Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- c). Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- d). Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
- e). Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC
HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất,	2,0

	<i>lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm	3,0

	là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	6,0
1	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm xét chọn như sau: - Từ 3 hợp đồng trở lên: 3 điểm. - Có 02 hợp đồng: 2 điểm. - Có 1 hợp đồng: 1 điểm. - Không có hợp đồng: 0 điểm	3,0
2	Tổ chức đấu giá tài sản có số lượng hợp đồng đấu giá thành đối với dịch vụ đấu giá nhượng quyền khai thác mỏ cao su từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm xét chọn như sau: - Từ 5 hợp đồng trở lên: 3 điểm. - Từ 3 đến 4 hợp đồng: 2 điểm. - Từ 1 đến 2 hợp đồng: 1 điểm. - Không có hợp đồng: 0 điểm.	3,0
Tổng số điểm		98

Ghi chú:

- Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 Phần IV được tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

- “Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề” tại mục 9 Phần IV là tính số thực tế nộp trong năm trước liền kề.

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần theo quy định.

- Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

- Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

❖ Điều kiện xét chọn:

- Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại và không nhỏ hơn **60 điểm**.

- Trường hợp các tổ chức đấu giá được đánh giá có điểm bằng nhau và xếp hạng cao nhất thì xét đơn vị nào có phí thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất (*tính theo phần cứng của khung phí thù lao*) sẽ được lựa chọn và được mời vào đàm phán hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu không chào phí thù lao dịch vụ đấu giá thì căn cứ vào khung chi phí giá dịch vụ đấu giá tài sản theo Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư Pháp và phải phù hợp với giá trị tài sản của người có tài sản bán đấu giá thì người có tài sản sẽ chọn mức khung chi phí thù lao là mức tối đa theo giá trị của tài sản đấu giá để làm cơ sở so sánh xét lựa chọn tổ chức đấu giá.

Nếu vẫn còn ít nhất 2 tổ chức đấu giá bằng nhau (cả về điểm được chấm và phần cứng phí thù lao) thì sẽ xét chọn đơn vị nào có tổng giá trị hợp đồng đấu giá thành công nhượng quyền khai thác mỏ cao su lớn nhất mà tổ chức nộp cùng với hồ sơ xét chọn của bảng chấm điểm trong năm liền kề (năm 2024).

Trường hợp nếu vẫn còn ít nhất 2 tổ chức đấu giá bằng nhau thì do người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đấu giá đó. (Căn cứ theo khoản 4 Điều 35 Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản).

- Trường hợp đàm phán không thành công thì tổ chức đấu giá xếp thứ hạng tiếp theo được mời vào đàm phán hợp đồng cho đến khi lựa chọn được tổ chức đấu giá.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá

- Thời gian nộp hồ sơ: từ ngày đăng thông báo đến 07 giờ 30 phút ngày 07/5/2025 (trong giờ hành chính).

- Thời gian mở và xét chọn hồ sơ: kể từ 08g00" ngày 07/5/2025.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Kỹ thuật – Công ty CP Cao Su Tây Ninh.

- Địa chỉ: QL22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Số điện thoại liên hệ: 0978.172.858 (Quyền).

Ghi chú: Hồ sơ gồm (01 bản chính) được để trong phong bì có dán niêm phong. Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu, CCCD. Hồ sơ gửi qua đường Bưu điện đến trước ngày 07/5/2025; hồ sơ sẽ không được hoàn lại.

Trân trọng thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá biết và đăng ký. /s/

Nơi nhận:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Hội đồng thanh lý tài sản;
- Trang thông tin điện tử Bộ Tư Pháp; (để đăng tin trên Website)
- Phòng TCHC-LĐTL;
(để đăng tin trên Website Công ty)
- Lưu VT, P.KT.



Nguyễn Hồng Thái